

**HIỆP ĐỊNH  
GIỮA  
NHẬT BẢN  
VÀ  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
VỀ  
CHUYỂN GIAO NGƯỜI BỊ KẾT ÁN PHẠT TÙ**

**HIỆP ĐỊNH**  
**GIỮA**  
**NHẬT BẢN**  
**VÀ**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**VỀ**  
**CHUYỂN GIAO NGƯỜI BỊ KẾT ÁN PHẠT TÙ**

Nhật Bản và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây gọi là “các Bên”);

Mong muốn thúc đẩy hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thi hành án hình sự;

Nhận thức rằng việc hợp tác nhằm hướng tới thực thi công lý và tái hòa nhập xã hội đối với người bị kết án phạt tù;

Nhận thức rằng có thể đạt được các mục tiêu này thông qua việc tạo cơ hội cho những người bị kết án tước tự do, do thực hiện hành vi phạm tội bên ngoài quốc gia của mình, được thi hành hình phạt ở đất nước của mình; và

Nhận thức rằng cách tốt nhất để có thể đạt được mục tiêu này là cho phép người bị kết án phạt tù được chuyển giao về đất nước của mình;

Đã thỏa thuận như sau:

**Điều 1**

**Giải thích từ ngữ**

Phù hợp với mục đích của Hiệp định này:

(a) “Hình phạt” là bất kỳ sự trừng phạt nào liên quan đến tước tự do có thời hạn hoặc không thời hạn do Tòa án tuyên đối với người phạm tội;

(b) “Người bị kết án phạt tù” là người đã bị kết án trong lãnh thổ của một Bên và đang chấp hành hình phạt trong lãnh thổ của Bên đó hoặc Bên kia;

(c) “Bản án” là quyết định hoặc lệnh của Tòa án tuyên hình phạt;

(d) “Bên chuyển giao” là Bên mà từ đó người bị kết án phạt tù có thể hoặc đã được chuyển giao; và

(e) “Bên nhận” là Bên mà người bị kết án phạt tù có thể hoặc đã được chuyển giao đến để thi hành hình phạt.

## **Điều 2**

### **Các nguyên tắc chung**

1. Phù hợp với các quy định của Hiệp định này, các Bên cam kết dành cho nhau sự hợp tác toàn diện nhất trong lĩnh vực chuyển giao người bị kết án phạt tù.

2. Người bị kết án phạt tù có thể được chuyển giao từ lãnh thổ của Bên chuyển giao sang lãnh thổ của Bên nhận, phù hợp với các quy định của Hiệp định này, để thi hành hình phạt đã tuyên đối với người đó. Để đạt được mục tiêu này, người bị kết án phạt tù có thể bày tỏ nguyện vọng được chuyển giao của mình đối với Bên chuyển giao hoặc Bên nhận theo quy định của Hiệp định này.

3. Việc chuyển giao người bị kết án phạt tù có thể do Bên chuyển giao hoặc Bên nhận yêu cầu.

## **Điều 3**

### **Điều kiện chuyển giao**

1. Theo Hiệp định này, người bị kết án phạt tù chỉ có thể được chuyển giao nếu có đủ các điều kiện sau:

(a) Khi Nhật Bản là Bên nhận, người bị kết án phạt tù là công dân Nhật Bản hoặc bất cứ người nào thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật chuyển giao người bị kết án phạt tù xuyên quốc gia của Nhật Bản (Luật số 66 năm 2002);

Khi Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Bên nhận, người bị kết án phạt tù là công dân Việt Nam;

(b) Bản án đó đã có hiệu lực pháp luật;

(c) Tại thời điểm tiếp nhận yêu cầu chuyển giao, thời gian chấp hành hình phạt của người bị kết án phạt tù còn ít nhất một năm hoặc người bị kết án phạt tù đang chấp hành hình phạt không xác định thời hạn;

(d) Việc chuyển giao phải có sự đồng ý của người bị kết án phạt tù;

(e) Hành động hoặc không hành động là căn cứ để tuyên hình phạt cũng cấu thành tội phạm theo pháp luật của Bên nhận hoặc sẽ cấu thành tội phạm nếu được thực hiện trên lãnh thổ của Bên nhận; và

(f) Bên chuyển giao và Bên nhận đồng ý việc chuyển giao.

2. Các Bên có thể đồng ý chuyển giao cả trong trường hợp thời hạn hình phạt mà người bị kết án phạt tù phải thi hành ít hơn thời hạn được quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

## **Điều 4**

### **Cơ quan Trung ương**

1. Mỗi Bên sẽ chỉ định một Cơ quan Trung ương nhằm mục đích tạo thuận lợi cho việc liên lạc giữa các Bên theo các điều 5, 6 và 13 của Hiệp định này:

(a) Về phía Nhật Bản, Cơ quan Trung ương là Bộ Ngoại giao; và

(b) Về phía Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Cơ quan Trung ương là Bộ Công an.

2. Liên lạc giữa các Bên theo các điều đã nêu ở trên sẽ được thực hiện thông qua các Cơ quan Trung ương.

Ngoại trừ các quy định ở trên, Bộ Tư pháp Nhật Bản và Bộ Công an nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có thể liên lạc trực tiếp với nhau trong trường hợp khẩn cấp hoặc các trường hợp đặc biệt khác, phù hợp với pháp luật và quy định của mỗi nước.

## **Điều 5**

### **Yêu cầu và việc trả lời**

1. Các yêu cầu chuyển giao và bản trả lời phải được lập bằng văn bản.

2. Bên được yêu cầu phải nhanh chóng thông báo cho Bên yêu cầu về quyết định có đồng ý với việc chuyển giao hay không.

## **Điều 6**

### **Thủ tục chuyển giao**

1. Người bị kết án phạt tù chịu sự điều chỉnh của Hiệp định này sẽ được Bên chuyển giao thông báo về bản chất của Hiệp định này.

2. Nếu người bị kết án phạt tù trình bày nguyện vọng được chuyển giao đến Bên chuyển giao theo quy định của Hiệp định này, Bên chuyển giao sẽ thông báo cho Bên nhận bằng văn bản ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Thông tin sẽ bao gồm:

(a) Họ tên, quốc tịch, ảnh, ngày và nơi sinh của người bị kết án phạt tù;

(b) Địa chỉ cư trú của người bị kết án phạt tù tại Bên nhận, nếu có;

(c) Một bản báo cáo về các tình tiết vụ án mà trên cơ sở đó hình phạt được tuyên; và

(d) Bản chất, thời hạn, ngày bắt đầu và ngày kết thúc thi hành hình phạt.

4. Nếu người bị kết án phạt tù trình bày nguyện vọng được chuyển giao đến Bên nhận, Bên chuyển giao sẽ cung cấp bằng văn bản cho Bên nhận các thông tin được quy định tại khoản 3 Điều này khi có yêu cầu.

5. Nếu Bên chuyển giao yêu cầu, Bên nhận sẽ cung cấp cho Bên chuyển giao các tài liệu hoặc báo cáo sau đây, trừ khi Bên nhận thông báo sẽ không đồng ý chuyển giao:

(a) Một tài liệu hoặc báo cáo về việc người bị kết án phạt tù là công dân của Bên nhận; hoặc nếu Nhật Bản là Bên nhận, người bị kết án đó là người được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3;

(b) Một bản sao luật có liên quan của Bên nhận quy định hành động hoặc không hành động là căn cứ tuyên hình phạt ở Bên chuyển giao cũng cấu thành tội phạm theo pháp luật của Bên nhận hoặc sẽ cấu thành tội phạm nếu được thực hiện trên lãnh thổ của Bên nhận; và

(c) Một bản mô tả cách thức mà Bên nhận sẽ thi hành hình phạt.

6. Nếu có yêu cầu chuyển giao, Bên chuyển giao sẽ cung cấp các tài liệu hoặc báo cáo sau đây cho Bên nhận, trừ khi một Bên thông báo sẽ không đồng ý chuyển giao:

(a) Một bản sao bản án và luật làm căn cứ;

(b) Một bản báo cáo về việc thời gian đã thi hành hình phạt, bao gồm thông tin về miễn giảm hình phạt và bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc thi hành hình phạt;

(c) Một bản báo cáo về việc đồng ý chuyển giao theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3; và

(d) Các báo cáo về y tế hoặc xã hội hoặc báo cáo về cải tạo trong trại giam của người bị kết án phạt tù, thông tin về quá trình điều trị của người đó tại Bên chuyển giao và bất kỳ khuyến nghị nào về việc tiếp tục điều trị người đó tại Bên nhận.

7. Một Bên có thể yêu cầu được cung cấp bất kỳ tài liệu hoặc báo cáo nào được quy định tại khoản 5 hoặc 6 của Điều này trước khi lập yêu cầu chuyển giao hoặc quyết định có đồng ý chuyển giao hay không.

8. Bên chuyển giao hoặc Bên nhận phải thông báo bằng văn bản cho người bị kết án phạt tù về mọi hoạt động được thực hiện theo quy định tại khoản 2 và 4 của Điều này cũng như về bất kỳ quyết định nào được một Bên đưa ra liên quan đến yêu cầu chuyển giao của người đó.

## **Điều 7**

### **Sự đồng ý và việc xác nhận**

1. Bên chuyển giao phải đảm bảo rằng người bị kết án phạt tù đồng ý với việc chuyển giao theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 một cách tự nguyện và với nhận thức đầy đủ về hậu quả pháp lý của việc chuyển giao. Thủ tục bày tỏ sự đồng ý về việc chuyển giao sẽ do pháp luật của Bên chuyển giao điều chỉnh.

2. Bên chuyển giao sẽ tạo điều kiện cho Bên nhận xác minh, thông qua một viên chức lãnh sự hoặc nhân viên khác được Bên nhận chỉ định, sự đồng ý chuyển giao đó được đưa ra phù hợp với các điều kiện được quy định tại khoản 1 Điều này.

## **Điều 8**

### **Hiệu lực của việc chuyển giao đối với Bên chuyển giao**

1. Việc thi hành hình phạt đối với người bị kết án phạt tù do cơ quan có thẩm quyền của Bên nhận thực hiện sẽ dẫn đến hệ quả đình chỉ việc thi hành hình phạt đó ở Bên chuyển giao.

2. Bên chuyển giao không được thi hành hình phạt nếu Bên nhận cho rằng việc thi hành hình phạt đó đã kết thúc.

## **Điều 9**

### **Tiếp tục thi hành hình phạt**

1. Bên nhận sẽ tiếp tục thi hành hình phạt thông qua việc thực hiện các biện pháp cần thiết phù hợp với pháp luật và quy định của nước mình.

2. Việc tiếp tục thi hành hình phạt sau khi chuyển giao sẽ được điều chỉnh bởi pháp luật và quy định của Bên nhận, bao gồm các điều kiện thi hành hình phạt tù hoặc các hình phạt tước tự do khác và các quy định về giảm thời

hạn chấp hành hình phạt tù hoặc các hình phạt tước tự do khác thông qua việc tha tù trước thời hạn có điều kiện hoặc các hình thức khác.

3. Bên nhận sẽ chịu sự ràng buộc về bản chất pháp lý và thời hạn của hình phạt được quyết định bởi Bên chuyển giao.

4. Tuy nhiên, nếu bản chất hoặc thời hạn của hình phạt không tương thích với pháp luật của Bên nhận hoặc pháp luật của Bên nhận yêu cầu như vậy, thì Bên nhận có thể, thực hiện các biện pháp cần thiết phù hợp với pháp luật và quy định của nước mình, chuyển đổi hình phạt được tuyên ở Bên chuyển giao cho phù hợp với hình phạt theo pháp luật nước mình. Liên quan đến bản chất và thời hạn của hình phạt, hình phạt được chuyển đổi phải tương ứng với hình phạt được tuyên ở Bên chuyển giao nhiều nhất có thể. Hình phạt được chuyển đổi không được nặng hơn so với hình phạt đã được tuyên tại Bên chuyển giao về bản chất và thời hạn.

## **Điều 10**

### **Đặc xá, đại xá, giảm hình phạt**

Một Bên có thể quyết định đặc xá, đại xá, hoặc giảm hình phạt phù hợp với Hiến pháp, pháp luật và các quy định của nước mình.

## **Điều 11**

### **Xem xét lại bản án**

Chỉ Bên chuyển giao mới có quyền xem xét lại bản án của mình.

## **Điều 12**

### **Chấm dứt việc thi hành hình phạt**

Bên nhận sẽ chấm dứt thi hành hình phạt ngay khi Bên chuyển giao thông báo về quyết định hoặc biện pháp dẫn đến việc chấm dứt thi hành hình phạt.

## **Điều 13**

### **Thông tin về việc thi hành hình phạt**

Bên nhận cung cấp các thông tin liên quan đến việc thi hành hình phạt cho Bên chuyển giao:

(a) Khi Bên nhận cho rằng việc thi hành hình phạt đã kết thúc;

(b) Khi người bị kết án phạt tù bỏ trốn khỏi nơi giam giữ hoặc chết trước khi chấp hành xong hình phạt; hoặc

(c) Khi Bên chuyển giao yêu cầu một bản báo cáo đặc biệt.

## **Điều 14**

### **Ngôn ngữ và chi phí**

1. Yêu cầu chuyển giao và văn bản trả lời cùng với các thông tin, tài liệu và báo cáo được quy định trong Hiệp định này phải được lập bằng ngôn ngữ của Bên mà các thông tin và tài liệu này được chuyển đến hoặc tiếng Anh.

2. Chi phí phát sinh trong việc áp dụng Hiệp định này sẽ do Bên nhận chi trả trừ những chi phí phát sinh hoàn toàn trong phạm vi lãnh thổ của Bên chuyển giao.

## **Điều 15**

### **Tham vấn**

Theo yêu cầu của một Bên, các Bên sẽ tiến hành tham vấn liên quan đến việc giải thích và áp dụng Hiệp định này.

## **Điều 16**

### **Tiêu đề**

Tiêu đề của các điều trong Hiệp định này được đưa vào chỉ để thuận tiện cho việc tham khảo và sẽ không ảnh hưởng đến việc giải thích Hiệp định này.

## **Điều 17**

### **Hiệu lực và chấm dứt hiệu lực của Hiệp định**

1. Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ ba mươi (30) sau ngày các Bên trao đổi văn kiện ngoại giao thông báo cho nhau về việc hoàn tất các thủ tục nội bộ cần thiết để Hiệp định có hiệu lực.

2. Hiệp định được áp dụng đối với việc thi hành hình phạt được tuyên trước hoặc sau khi Hiệp định này có hiệu lực.

3. Một Bên có thể chấm dứt hiệu lực Hiệp định này vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên kia thông qua kênh ngoại giao. Việc chấm dứt hiệu lực của Hiệp định sẽ có hiệu lực vào ngày thứ một trăm tám mươi (180) sau ngày thông báo được đưa ra.

4. Hiệp định sẽ tiếp tục được áp dụng đối với việc thi hành hình phạt của người bị kết án phạt tù đã được chuyển giao phù hợp với các quy định của Hiệp định này trước ngày việc chấm dứt Hiệp định có hiệu lực.



ĐỀ LÀM BẰNG, các đại diện dưới đây, được ủy quyền đầy đủ, đã ký Hiệp định này.

Làm tại Tokyo, thành hai bản, bằng tiếng Nhật, tiếng Việt và tiếng Anh, các bản có giá trị như nhau, vào ngày 01 tháng 7 năm 2019. Trong trường hợp có sự khác nhau trong việc giải thích, bản tiếng Anh sẽ làm căn cứ để đối chiếu.

**THAY MẶT  
NHẬT BẢN**

阿部俊子

**THAY MẶT  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  
VIỆT NAM**

Lê Quý Vương